TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 870/2023/HC-PT
Ngày: 30/11/2023
V/v: Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hoa;
Các Thẩm phán: Ông Hoàng Mạnh Hùng;
Ông Nguyễn Xuân Phách.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Nữ Quỳnh Trâm - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: ***Ông Đỗ Văn Hữu - Kiểm sát viên cao cấp.***

Ngày 30 tháng 11 năm 2023, tại Trụ sở, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm, công khai, vụ án hành chính thụ lý số 655/2023/TLPT-HC ngày 15 tháng 9 năm 2023 về việc "Khiếu kiện hành vi hành chính", do có kháng cáo của Người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành tỉnh Ninh Bình.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13150/2023/QĐ-PT ngày 14 tháng 11 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Bà Phạm Thị T; sinh năm 1948; địa chỉ: số nhà A, ngõ A, đường N, phố V, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: Ông Hoàng Trung K; sinh năm 1960; địa chỉ: số nhà F, đường T, phố P, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (Văn bản uỷ quyền ngày 15/02/2023); có mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: số C, đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Trần Thanh C; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N (Văn bản uỷ quyền ngày 10/5/2023); vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ủy ban nhân dân thành phố N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: số C, đường L, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố N: Ông Trần Thanh C; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N. (Văn bản uỷ quyền ngày 10/5/2023); vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt.

3.2. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; địa chỉ: đường T, phố V, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt, đề nghị xét xử vắng mặt..

3.3. Ông Nguyễn Thanh X; sinh năm 1944; địa chỉ: số nhà A, ngõ A, đường N, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình. Xin xét xử vắng mặt

3.4. Chị Nguyễn Thị T1; sinh năm 1972; địa chỉ: số A, ngõ E, phố T, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Phạm Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Phạm Thị T là người khởi kiện và người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:

Đơn khởi kiện ngày 13/12/2022, bà Phạm Thị T đề nghị Tòa án giải quyết: buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) thành phố N giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị T đề ngày 27/12/2017 theo Luật Khiếu nại năm 2011 để công nhận quyền sử dụng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Phạm Thị T.

Lý do khởi kiện:

Bà Phạm Thị T là công nhân ở Ga N. Năm 1980 bà T lấy chồng nên xin đất ở, lãnh đạo Ga chỉ vị trí nhà ở hiện nay (khi đó là hố bom, đất hoang hóa). Bà T đã bỏ công sức, tiền của san lấp làm nhà, công trình phụ, đường đi, toàn bộ phần đất bà T tạo dựng đủ điều kiện được Nhà nước công nhận quyền sử dụng. Năm 1997 khi bà T vắng nhà, chị Nguyễn Thị T1 (con riêng của chồng bà T) gian dối kê khai để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) đứng tên chị Nguyễn Thị T1 nên bà T khởi kiện yêu cầu: hủy GCNQSDĐ cấp trái pháp luật. Sau đó, Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Bà Phạm Thị T có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ.

Ngày 18/7/2000 UBND tỉnh N ban hành Quyết định số 1037/QĐ-UB thu hồi và hủy bỏ giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà cửa và quyền sử dụng đất của chị Nguyễn Thị T1. Sau đó, bà T đến UBND thành phố đề nghị cấp GCNQSDĐ bị gây khó nên bà T phải nhờ nhiều cơ quan can thiệp. Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh N có Phiếu hướng dẫn số 1313/HD/STNMT hướng dẫn bà T "Trực tiếp liên hệ hoặc gửi đơn đến UBND thành phố N để được xem xét, giải quyết". Ngày 30/10/2017, UBND thành phố N ban hành văn bản số 1196/CV-UBND

cho rằng diện tích đất bà T đề nghị cấp GCNQSDĐ chưa đủ điều kiện. Ngày 27/12/2017 bà T có đơn khiếu nại nhưng người có thẩm quyền là Chủ tịch UBND thành phố N không giải quyết theo trình tự, thủ tục, thời hạn Luật Khiếu nại năm 2011 quy định. Ngày 13/4/2018 Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1220/QĐ-CT có nội dung bác nội dung khiếu nại của bà Phạm Thị T. Bà T đã khởi kiện vụ án hành chính. Ngày 13/3/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đưa vụ án ra xét xử, đại diện ủy quyền của người bị kiện không có mặt. Chủ tọa gọi đại diện theo uỷ quyền của bà T vào phòng nghị án vận động rút đơn với lý do: UBND thành phố N hứa huỷ quyết định giải quyết khiếu nại để cấp GCNQSDĐ cho bà T. Người đại diện theo uỷ quyền của bà T không đồng ý phiên tòa đưa ra xét xử thì Chủ tọa thông báo ngưng phiên tòa đến 14 giờ, lý do UBND thành phố N thông báo Chủ tịch đã ra quyết định thu hồi huỷ quyết định giải quyết khiếu nại. Chiều 13/3/2019 phiên tòa mở lại, Chủ tọa thông báo đã nhận được Quyết định số 1498/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 do Chủ tịch UBND thành phố ký về việc thu hồi và hủy bỏ văn bản giải quyết nội dung đơn của bà Phạm Thị T. Lẽ ra, sau khi hủy bỏ quyết định giải quyết khiếu nại trái pháp luật, Chủ tịch UBND thành phố N phải giải quyết khiếu nại để công nhận cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà T nhưng Chủ tịch UBND thành phố N không giải quyết.

Ngày 24/02/2020 UBND phường T nhận hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của bà T. Đến ngày 09/02/2021 UBND phường T trả lại hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ của bà T. Bà T phản đối và yêu cầu người có trách nhiệm giải quyết. Ngày 25/7/2022 Chủ tịch UBND thành phố N ban hành văn bản số 1888/UBND-TNMT với nội dung cho rằng: đất của bà T đang có tranh chấp và hướng dẫn bà T đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình giải quyết; vụ việc tranh chấp đất của gia đình bà T chưa được giải quyết nên việc đề nghị cấp GCNQSDĐ của gia đình bà T là không đủ điều kiện. Như vậy, Chủ tịch UBND thành phố N có hành vi cản trở công dân thực hiện quyền dân sự của mình.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người bị kiện có quan điểm như sau:

Đối với nội dung buộc Chủ tịch UBND thành phố N giải quyết đơn khiếu nại đề ngày 27/12/2017 của bà T theo Luật Khiếu nại năm 2011: UBND thành phố N nhận được đơn khiếu nại đề ngày 27/12/2017 của bà T, nội dung đơn: khiếu nại Công văn số 1196/CV-UBND ngày 30/10/2017 của UBND thành phố N về việc giải quyết đề nghị của bà T. Sau khi nhận được đơn khiếu nại, Chủ tịch UBND thành phố N đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo Luật Khiếu nại năm 2011 và ban hành Quyết định giải quyết đơn khiếu nại của bà T theo quy định. Cùng liên quan đến việc khiếu nại này đã được Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xem xét giải quyết theo quy định. Vì vậy nội dung bà Phạm Thị T yêu cầu Chủ tịch UBND thành phố N giải quyết đơn khiếu nại ghi ngày 27/12/2017 của bà T là không có cơ sở để xem xét giải quyết.

Đối với nội dung đề nghị cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà Phạm Thị T: UBND phường T đã hướng dẫn bà T thực hiện trình tự, thủ tục đăng ký đất đai,

cấp GCNQSDĐ lần đầu đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên vị trí đất của gia đình đề nghị cấp GCNQSDĐ đang có tranh chấp nên UBND phường T đã hướng dẫn bà khởi kiện tranh chấp đất đai đến Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình để được giải quyết theo quy định. Nội dung tranh chấp đất đai đến nay vẫn chưa thực hiện xong. Do vậy, các cơ quan có thẩm quyền chưa có cơ sở để cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà Phạm Thị T theo quy định của pháp luật về đất đai.

Do đó, Chủ tịch UBND thành phố N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của UBND thành phố N trình bày:

Nội dung bà T đề nghị cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà T đã được UBND phường T hướng dẫn các trình tự, thủ tục đăng ký đất đai, cấp GCNQSDĐ lần đầu đảm bảo theo quy định. Tuy nhiên, vị trí đất của gia đình đề nghị cấp GCNQSDĐ đang có tranh chấp nên UBND phường T đã tổ chức hòa giải nhưng không thành và hướng dẫn công dân khởi kiện tranh chấp đất đai đến Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình để được giải quyết theo quy định. Do vậy, các cơ quan có thẩm quyền chưa có cơ sở để thực hiện thủ tục cấp GCNQSDĐ cho gia đình bà T theo quy định của pháp luật về đất đai. Do đó, UBND thành phố N không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của UBND phường T trình bày:

UBND phường T đồng quan điểm với UBND thành phố N. Do đó, UBND phường T không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Thanh X là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Ông đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Bà T đề nghị công nhận quyền sử dụng đất và cấp GCNQSDĐ cho bà T là không đúng. Đất này là đất của chị đã được UBND thành phố N cấp GCNQSDĐ. Chị không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình đã căn cứ: khoản 3, khoản 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, Điều 116, Điều 157, Điều 158, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 348 của Luật Tố tụng hành chính. Khoản 1 Điều 2, khoản 1 Điều 7, khoản 2 Điều 11 của Luật Khiếu nại năm 2011. Điều 100, khoản 1 Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013. Điều 28, Điều 29, Điều 56, Điều 57 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017, năm 2019). Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, khoản 1 Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc: *Đề nghị Tòa án giải quyết buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố N giải quyết đơn khiếu nại của bà Phạm Thị T đề ngày 27/12/2017 theo Luật Khiếu nại năm 2011 để công nhận quyền sử dụng và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình bà Phạm Thị T.*

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 30/6/2023, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện là ông Hoàng Trung K có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 16/6/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện bà Phạm Thị T có ý kiến: Giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu hủy bản án sơ thẩm.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T có ý kiến: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, lý do: Thiếu chứng cứ để giải quyết vụ án là không xem xét thẩm định tại chỗ; đưa thiếu người tham gia tố tụng là 2 người con riêng của ông X và 3 người con chung của ông X với bà T, đưa thiếu ông Đinh Huy L là Thẩm phán giải quyết vụ án trước đã đình chỉ; đánh giá chứng cứ chưa đầy đủ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Tại cấp phúc thẩm người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của luật tố tụng đến trước khi nghị án.

Về nội dung kháng cáo: Về kháng cáo cho rằng đưa thiếu người tham gia tố tụng là các con của bà T và các con riêng của ông X; ông Đinh Huy L là không có căn cứ. Bản án sơ thẩm có căn cứ, đúng quy định. Bà T kháng cáo không có căn cứ chấp nhận, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội căn cứ khoản 1 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính bác kháng cáo của bà T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của đại diện Người khởi kiện đảm bảo thời hạn, nội dung, hình thức nên được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Người khởi kiện về việc yêu cầu hủy bản án sơ

thẩm vì các lý do sau: Việc giải quyết khiếu nại có vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, như: vi phạm thời hạn, thời hiệu giải quyết khiếu nại; quy trình giải quyết khiếu nại không đúng quy định; Thẩm phán lợi dụng chức, quyền đưa người không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là bà Nguyễn Thị T1, cố tình không đưa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng là ông Đinh Huy L1; Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ vào chứng cứ có trong vụ án để giải quyết. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T và người đại diện theo ủy quyền cho rằng bản án sơ thẩm còn đưa thiếu người tham gia tố tụng là các con của bà T và con riêng của ông X, Hội đồng xét xử thấy:

[3] Các lý do vi phạm thời hạn, thời hiệu giải quyết khiếu nại; quy trình giải quyết khiếu nại không đúng quy định không phải là lý do, căn cứ hủy bản án sơ thẩm.

[4] Việc chị Nguyễn Thị T1 trình bày thửa đất bà T làm đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 16, bản đồ địa chính phường T lập năm 2003, diện tích 87,8m^2 là đất của chị đã được UBND thành phố N cấp GCNQSDĐ, chị không đồng ý với việc bà T xin cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất này. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đưa bà Nguyễn Thị T1 vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính.

[5] Về việc yêu cầu đưa ông Đinh Huy L (Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa xét xử vụ án hành chính ngày 13/3/2019) tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án cấp sơ thẩm nhận định ông Đinh Huy L không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến vụ án này và không đưa ông L vào tham gia tố tụng là đúng.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm bà T còn cho rằng đưa thiếu người tham gia tố tụng là các con bà T và con riêng ông X. Hội đồng xét xử thấy các người con khác của bà T với ông X và con riêng của ông X không bị ảnh hưởng quyền, nghĩa vụ khi giải quyết vụ án, do vậy, không đưa và tham gia tố tụng là đúng.

[7] Việc kháng cáo cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm không căn cứ vào chứng cứ có trong vụ án để giải quyết vụ án. Xét thấy:

[8] Bà Phạm Thị T khởi kiện hành vi hành chính của Chủ tịch UBND thành phố N về việc không giải quyết đơn khiếu nại của bà T.

[9] Ngày 30/10/2017 UBND thành phố N ban hành Công văn số 1196/CV-UBND có nội dung: việc bà T đề nghị cấp GCNQSDĐ thửa đất số 37, tờ bản đồ số 16, bản đồ địa chính phường T lập năm 2003, diện tích 87,8m^2 là chưa đủ điều kiện để xem xét, giải quyết.

[10] Tại đơn khiếu nại đề ngày 27/12/2017 của bà T có nội dung khiếu nại toàn bộ Công văn số 1196/CV-UBND ngày 30/10/2017 của UBND thành phố N, yêu cầu làm rõ: năm 1980 cơ quan, tổ chức, cá nhân nào giao cho vợ chồng bà 01 gian nhà tập thể như Công văn số 1196 đã nêu; căn cứ gì cho rằng năm 1992 ông X và 03 người con riêng san lấp, tôn tạo hố bom để có thửa đất; cơ quan, tổ chức, cá nhân nào thu tiền của chị Nguyễn Thị T1 phải có trách nhiệm trả lại tiền cho chị T1; cấp GCNQSDĐ cho vợ chồng bà theo quy định.

[11] Ngày 28/02/2018 Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Thông báo số 368/TB-UBND về việc thụ lý giải quyết đơn khiếu nại. Tại Quyết định số 1220/QĐ-CT ngày 13/4/2018 Chủ tịch UBND thành phố N ban hành Quyết định về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị T (lần đầu) thể hiện: bác nội dung khiếu nại của bà T đối với Văn bản số 1196/CV-UBND ngày 30/10/2017 của UBND thành phố N về việc giải quyết đề nghị của bà T (nội dung đơn đề nghị: bà T đề nghị Nhà nước xem xét cấp GCNQSDĐ cho bà tại thửa đất số 3, tờ bản đồ số 202, diện tích 88,6m^2, bản đồ lập năm 1995 của phường Đinh Tiên H cũ, nay là phường T, thành phố N). Không đồng ý, bà T khởi kiện tại Tòa án.

[12] Ngày 16/7/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án về khiếu kiện quyết do bà Phạm Thị T khởi kiện.

[13] Ngày 13/3/2019 UBND thành phố N ban hành Quyết định số 1498/QĐ-UBND về việc thu hồi và hủy bỏ: Văn bản số 1196/CV-UBND ngày 30/10/2017 của UBND thành phố N về việc giải quyết đề nghị của bà Phạm Thị T và Quyết định số 1220/QĐ-CT ngày 13/4/2018 của UBND thành phố N về việc giải quyết khiếu nại của bà Phạm Thị T với lý do: người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị T tại phiên tòa xét xử vụ án hành chính ngày 13/3/2019 đề nghị Hội đồng xét xử kiến nghị UBND thành phố N thu hồi, hủy bỏ 02 văn bản nêu trên và tạo điều kiện cho các bên đương sự giải quyết dứt điểm tranh chấp liên quan đến vị trí đất mà bà T đã đề nghị cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử đã đồng ý với đề nghị của người đại diện người khởi kiện và đã thông tin đến người bị kiện là UBND thành phố N quyết định.

[14] Do Người bị kiện đã hủy bỏ quyết định hành chính và Người khởi kiện đã đồng ý rút đơn khởi kiện nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã ban hành Quyết định số 03/2019/QĐST-HC, ngày 13/3/2019 về việc đình chỉ giải quyết vụ án hành chính. Tại phiên tòa phúc thẩm bà T và người đại diện theo ủy quyền của bà T khẳng định không có kháng cáo đối với Quyết định số 03/2019/QĐ ST-HC ngày 13/3/2019, đình chỉ giải quyết vụ án. Bà T về thực hiện thủ tục nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, nhưng không được giải quyết

nên bà T tiếp tục có nhiều đơn gửi đến các cơ quan.

[15] Thực hiện Thông báo số 479-TB/TU ngày 22/7/2022 của Thành ủy N về kết luận phiên tiếp công dân, trong đó có vụ việc bà Phạm Thị T đề nghị xem xét lại Văn bản số 116/UBND ngày 09/7/2021 của UBND phường T và đề nghị cấp GCNQSDĐ cho bà theo quy định. Trên cơ sở làm việc với chị Nguyễn Thị T1 ngày 22/6/2021 và kết quả làm việc với bà T ngày 26/6/2021, UBND phường T đã ban hành Công văn số 116/UBND ngày 09/7/2021 hướng dẫn bà T chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Ninh Bình xem xét giải quyết. Do tranh chấp đất đai chưa được giải quyết, chưa đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ theo quy định của Luật Đất đai năm 2013, UBND thành phố N đã ban hành Công văn số 1888/UBND-TNMT ngày 25/8/2022 hướng dẫn bà T thực hiện thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai là đúng quy định của pháp luật. Việc bà T yêu cầu được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 16, bản đồ địa chính phường T lập năm 2003, diện tích 87,8m^2, nhưng chị Nguyễn Thị T1 (Con riêng của chồng bà T) không đồng ý, chị T1 cho rằng thửa đất là của chị T1, do vậy được xác định là đất đang có tranh chấp, chưa đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên UBND thành phố N hướng dẫn bà T thực hiện thủ tục giải quyết tranh chấp đất đai tại Văn bản 1888 ngày 25/8/2022 là có căn cứ.

[16] Từ các căn cứ nêu trên, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T là đúng quy định. Bà T kháng cáo, không cung cấp được tài liệu chứng cứ làm thay đổi bản chất vụ án, do vậy, kháng cáo không được chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội, tại phiên tòa có cùng quan điểm và đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà D, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[17] Về án phí: Kháng cáo của bà Phạm Thị T không được chấp nhận, nhưng bà T là người cao tuổi, có Đơn đề nghị miễn nộp tạm ứng án phí và án phí, thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Phạm Thị T; Giữ nguyên Quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 02/2023/HC-ST ngày 16 tháng 6 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

2. Về án phí: Bà Phạm Thị T được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- UBND tỉnh Ninh Bình;
- Cục THADS tỉnh Ninh Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP; HSVA;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hoa